

SƠM CÓ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA

VŨ NGỌC NHUNG

Từ năm 1990, Quốc hội đã có nghị quyết yêu cầu soạn thảo và trình Quốc hội chính sách tài chính quốc gia. Nhưng cho đến nay ngành Tài chính vẫn lẩn quẩn gờ rờ trong tình trạng giải quyết. Qua các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, người ta có thể cảm nhận rất rõ nỗi lo tăng thu giảm chi đã lấn át mọi suy nghĩ sáng suốt để sớm hình thành một chính sách tài chính quốc gia hướng vào việc kích thích kinh tế tăng trưởng và phân phối công bằng.

Phân tích nguyên nhân của tình trạng này có thể thấy một số vấn đề nổi lên như sau:

1) Tư tưởng bao chi bao thu của thời quan liêu trì trệ vẫn chưa được gột sạch:

Với lý luận tài chính có chức năng giám đốc, cân bộ điều hành thực tiễn đã hiểu quá đi cho rằng tài chính có chức năng giám đốc mọi khoản thu chi của xí nghiệp quốc doanh. Muốn vậy, tài chính phải tặn thu mọi khoản thu nhập của XNQG để giám đốc muốn chi mua sắm tài sản cố định thay thế cái cũ đã già cỗi về kỹ thuật và hình hài, muốn cải tiến kỹ thuật... đều phải ngửa tay xin kinh phí chuyên dùng. Điển hình của chính sách bao thu bao chi không thành văn là chế độ thu quốc doanh vét hết toàn bộ phần sản phẩm thặng dư (m) của xí nghiệp. Ngay phần lợi nhuận định mức tiếng là để lại cho xí nghiệp nhưng cuối cùng cũng vét thu nốt qua khoản nộp lợi nhuận theo quyết toán thực tế. Bây giờ trước đòi hỏi thu thuế công bằng giữa các thành phần kinh tế, khoản thu quốc doanh đã được bãi bỏ, nhưng khoảng thu khấu hao vẫn còn đối với các tài sản cố định do

ngân sách cấp vốn mua sắm hay do nhà nước đã quốc hữu hóa. Như vậy khoản vốn tái tạo giản đơn số tài sản cố định bị hao mòn vô hình và hữu hình không thuộc về quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp nữa. Giám đốc xí nghiệp là người biết rõ nhất cần mua sắm loại máy móc nào để đổi mới kỹ thuật nhưng lại không nắm vốn khấu hao để đổi mới thiết bị ngay trong khi thay thế thiết bị cũ đã bị hao mòn hết. Xem xét lại thu chi Ngân sách ở bất kỳ cấp nào cũng thấy có hiện tượng số khấu hao thu vào lớn hơn rất nhiều lần số cấp phát ra để xí nghiệp quốc doanh đổi mới máy móc thiết bị. Như vậy thực tế chính sách ăn vào vốn cố định đang xảy ra trong nền tài chính quốc gia mặc dù không có nghị quyết hay văn bản nào quy định như vậy.

2) Chức năng phân phối đã không được hiểu đúng và trong thực hiện có nhiều nghịch lý:

Chức năng phân phối của tài chính nhằm thực hiện lý tưởng công bằng ở mức độ nền kinh tế đi theo định hướng XHCN. Trong thời kỳ trì trệ, quy luật phân phối theo lao động đã không được tôn trọng nên chế độ tiền lương chỉ chênh nhau gần 3 lần trong khi năng suất lao động có thể chênh nhau 5,6 lần trong lao động chân tay và hàng trăm lần trong lao động trí óc. Chúng ta đã thi hành chính sách "chia đều cái nghèo", chia nhau lương cực thấp để che giấu thất nghiệp.

Chế độ quốc doanh và trích lập các quỹ đã vô hình trung duy trì những xí nghiệp lỗ ăn bám vào ngân sách, làm kiệt quệ nền kinh tế và các xí nghiệp làm ăn giỏi

có lãi nhiều nhưng phải nộp sạch cho ngân sách. Cho tới nay chúng ta vẫn còn bao thu nhưng phần trên đã nộp trong lúc đó các xí nghiệp tư bản ở các nước công nghiệp mới với tốc độ trong 20 năm đưa vốn riêng từ vài triệu đô-la lên đến hàng tỷ đô-la.

Chức năng phân phối đi kèm theo tình trạng không coi trọng trí thức thời trị trệ đã dẫn lương thầy giáo, thầy thuốc không bằng thu nhập người thợ sửa xe đạp. Thông tư tính lương 204 lần so với bậc lương ban hành năm 1985, chúng tôi tưởng phân phối lệch lạc vẫn bám vào tình trạng bội chi Ngân sách để tích cực tồn tại dù đã có nghị quyết đổi mới từ Đại Hội Đảng lần thứ VI và khẳng định rõ vai trò của trí thức tại Đại hội Đảng lần thứ VII.

3) Năng lực chuyên môn thấp xa với cương vị được giao đã không được khắc phục triệt để nên lỗi hỏng kiến thức mới về nền tài chính quốc gia tiếp tục tác hại đến điều hành vĩ mô:

Những khái niệm mới về ngân sách chu kỳ và ngân sách cơ cấu đã không được tiếp thu, tất nhiên là tiếp thu có phê phán, nên tư tưởng thẳng băng ngân sách vẫn ngự trị trong khi cuộc sống đòi hỏi phải bội chi ngân sách để chống suy thoái, lúc khác lại phải bội thu ngân sách để chống lạm phát.

Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát hành công trái để bù đắp bội chi ngân sách đã không được chấp hành nghiêm chỉnh để vừa chống lạm phát vừa kích thích kinh tế phát triển. Tiền năng vốn trong nhân dân nhất là trong nông dân những vùng có nông sản hàng hóa rất lớn, nhưng ta đã không biết dùng công trái để huy động vào việc xây dựng hạ tầng cơ sở. Tiền gửi tiết kiệm với lãi suất cực kỳ cao năm 1989-1990 và nay vẫn còn cao hơn lãi suất cho vay, nhưng mới chỉ huy động được bình quân đầu người chưa tới 5 đô-la. Rất nhiều nước đã đạt được mức gửi tiền tiết kiệm 15 lần thu nhập hàng năm. Nếu nhân dân ta ai cũng phấn đấu gửi một năm thu nhập, chúng ta sẽ có vốn rất lớn như sau: 200 USD x 64 triệu dân = 12,8 tỷ đô-la.

Nông dân ta cần cù và tiết kiệm nhưng nếu chỉ có tiền gửi tiết kiệm sẽ không thu hút được vốn trong nông dân vốn ở xa ngân hàng. Vậy hình thức công trái kỳ hạn từ 6 tháng đến 2 năm với lãi suất bình quân hàng quý cao hơn lãi suất tiết kiệm độ 0,5% sẽ chắc chắn thu hút được vốn lớn ở nông thôn, biến ngân sách nhà



nước từ T.W đến địa phương thành ngân sách chu kỳ có tác dụng tích cực tới phát triển kinh tế, chống lạm phát và khôi phục sản xuất vùng lũ lụt.

Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh trong công bằng xã hội; vậy thì ngân sách nhà nước phải cần nhắc từng nguồn thu, từng khoản chi về nhiều khía cạnh xem có tác động theo hướng đạt tới mục tiêu trên không? Từ đó phải thấy rằng thuế không chỉ là một nguồn thu để đơn thuần tăng thu giảm chi, mà còn là một công cụ kích thích sản xuất phát triển;

- Tăng thuế tất sẽ giảm thu nhập, giảm sức mua và giảm tổng cầu làm cho sản xuất bị hạn chế theo số cầu bị sút giảm và hiệu ứng giảm thu nhập này lại tác động theo số nhân.

- Giảm thuế sẽ tăng thu nhập, tăng sức mua và tăng tổng cầu điều rất cần cho sản xuất phát triển. Còn phải thấy thêm điều nữa là thất thu thuế cũng có tác dụng tăng thu nhập nhưng là thu nhập bất công cho những người buôn lậu để họ chi tiêu phung phí trong nhậu nhẹt, cờ bạc, đi điểm...

- Thuế suất cần giảm nhẹ để chống suy thoái, rồi hưng thịnh kinh tế sẽ tăng thu trở lại cho ngân sách.

Các khoản cũng vậy, chi vào đâu sẽ nhân lên tác dụng kích thích sản xuất phát triển, là điều cần suy nghĩ. Không mạnh tay cắt các khoản tiêu cực phí, mà lại tập trung cắt giảm khoản chi lương với bội số 24 lần, chèn ép chi cho giáo dục (thực chất là đầu tư cho bộ phận của nền kinh tế) là hành động theo tư duy cũ kỹ thời quan liêu, trì trệ, duy ý chí. Dám vay dân để bội chi cho xây dựng cơ sở hạ tầng, cho khoa học kỹ thuật để đón đầu tư nước ngoài là động viên tiềm năng nội tại để phát triển. Đáng tiếc rằng những ý hay như thu thuế cầu đường qua tiền xăng dầu, đã thấy tiếp nhận trên báo chí nhưng sao lại chậm thực hiện đến vậy? Nhân dân ai cũng rất vui mừng khi thấy một ý kiến đề nghị trên báo được Nhà nước lắng nghe, nhưng nghe rồi lại chậm thực hiện sẽ gây tâm trạng bần khoản vì ai cũng thấy thời gian để ra khỏi cuộc khủng hoảng hiện nay phải được tính từng giờ từng ngày.

Người đưa ra ý kiến trên báo thường là mong nghe được ý kiến tranh luận, phản biện lại vì nhiều khi tranh luận phản biện lại là một cách lắng nghe chu đáo đầy trách nhiệm.

VNN.

Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung ban hành ngày 7.7.1990 và Nghị định thi hành số 28/HĐBT ngày 6.2.91 của Hội đồng Bộ trưởng, nói chung, chính sách thuế đã được nghiên cứu công phu, quy định tương đối đầy đủ những nội dung cơ bản về hình thức đầu tư, quyền lợi và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân đầu tư nước ngoài, quy định nhiệm vụ các cơ quan có liên quan trong công việc quản lý, các vấn đề Tài chính, Thuế và chế độ kế toán thống kê. Chính sách thuế đã có những mặt tích cực khuyến khích đầu tư: ưu đãi do thuế suất thuế lợi tức thấp so với thuế suất thuế lợi tức nội địa; được chuyển số lỗ định kỳ của năm trước sang năm sau trong vòng 5 năm, cho miễn thuế lợi tức đối với phần lợi tức tái đầu tư từ trên 3 năm; miễn thuế doanh thu đối với ngành dịch vụ thu bằng ngoại tệ và phần doanh thu xuất khẩu; miễn cho việc xây dựng, lắp đặt về phần nguyên liệu vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, thuế suất chuyển lợi nhuận ra nước ngoài thấp (5%, 7%, 10%).

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực và ưu điểm trên, thiết nghĩ chính sách thuế trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài tại Việt Nam cần một số sửa đổi bổ sung cho được hợp lý hơn. Một số trường hợp có thể nêu như sau:

1. Về thuế doanh thu:

Luật Đầu tư không có qui định nhưng Nghị định số 28/HĐBT ngày 6.2.1991 của Hội đồng Bộ trưởng đã qui định nơi điều 21: *Doanh thu bằng ngoại tệ ngành dịch vụ không phải nộp thuế doanh thu.*

Điều này có những mâu thuẫn và bất hợp lý như sau:

- Nghị định đã qui định một vấn đề mà Luật Đầu tư không có đề cập.

- Một số công ty xí nghiệp ngành dịch vụ nội địa có số vốn ít hơn so với công ty xí nghiệp đầu tư nước ngoài vẫn phải chịu thuế doanh thu trên cả tiền đồng VN lẫn ngoại tệ, nên không có khả năng cạnh tranh được với các công ty, xí nghiệp dịch vụ nước ngoài được miễn thuế doanh thu đối với doanh thu dịch vụ ngoại tệ (thí dụ ngành ngân hàng, Hotel...)

- Thuế doanh thu là loại thuế gián thu, người tiêu dùng nếu hưởng những tiện nghi về công tác dịch vụ ở các công ty xí nghiệp đầu tư nước ngoài (ĐTNN) thì người dân nội địa phải nộp thuế doanh thu khi trả bằng tiền đồng trong khi người ngoài trả bằng ngoại tệ, không phải chịu thuế thì thật là bất hợp lý.

- Việc phân biệt hai loại doanh thu: Doanh thu ngoại tệ miễn thuế, doanh thu tiền đồng chịu thuế gây khó khăn trong

công tác quản lý thu thuế và nhiều công ty xí nghiệp có khuynh hướng khai gian, khai giấu doanh thu bằng tiền đồng VN và khai tăng doanh thu bằng ngoại tệ. Đây là kẽ hở của Luật để đưa đến việc trốn thuế.

2. Về thuế thu nhập:

Pháp lệnh về thuế thu nhập do HĐNN ban hành ngày 26.3.91 qui định: Người nước ngoài có thu nhập trên 2.400.000đ/ người/tháng và người Việt Nam làm việc ở các công ty, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thu nhập trên 500.000/người/tháng thì phải chịu thuế thu nhập theo biểu thuế lũy tiến từng phần với thuế suất 10%-50%.

Nhiều đơn vị công ty có vốn ĐTNN đã phản ánh là mức miễn thuế thu nhập hiện nay là thấp và thuế suất tối đa thuế thu nhập 50% là quá cao cần có sự điều chỉnh lại về mức miễn thuế thu nhập và thuế suất tối đa về thuế thu nhập.

Ngoài ra, trong Nghị định 119 của Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập có qui định, khi có sự thay đổi về giá cả trên thị trường từ 20% trở lên thì HĐBT sẽ có điều chỉnh lại mức bằng tiền của biểu thuế thu nhập.

3. Về tiền thuế mặt đất, mặt nước:

Vấn đề này đã có hướng dẫn của Bộ Tài chính số 210a/TC/VP. Nhưng đến nay vẫn còn những vướng mắc như:

- Không qui định rõ cơ quan nào có trách nhiệm đứng ký hợp đồng cho thuê đất với công ty, xí nghiệp có vốn ĐTNN

Từ ngày thực hiện pháp lệnh thuế thu nhập đến nay, giá cả trên thị trường đã gia tăng trên 50%, mà mức bằng tiền của biểu thuế thu nhập vẫn mới được điều chỉnh 25% (Nghị định HĐNN ngày 10.3.1992 điều chỉnh mức thuế thu nhập lại là 3.000.000 đồng và 650.000 đồng áp dụng ngày 1.4.1992).

**BỎ ĐI, CON MẮT KHẢ NĂNG
CHI TRẢ CON ĐỂ THÂN CHO THẮNG TỌA**

